

NỘI DUNG TIN BÀI ĐĂNG KÝ

1. Chuyên mục đăng tin: Bản tin pháp luật số 12 năm 2021.
2. Nội dung tin bài: Văn bản pháp luật có hiệu lực từ tháng 01 năm 2022.

Trong tháng 01/2022 các chính sách mới ban hành có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và người lao động gồm: 04 Luật, 04 Nghị định, 06 Thông tư và 02 Quyết định. Bộ phận Thanh tra - Pháp chế thuộc phòng Tổng hợp tóm tắt trích dẫn, đăng tải các văn bản trên để người lao động trong Công ty được biết, tham khảo, phục vụ công tác.

DANH SÁCH VÀ NỘI DUNG ĐĂNG BÀI BẢN TIN PHÁP LUẬT

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Hiệu lực văn bản
Luật			
01	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê, số 01/2021/QH15	12/11/2021	01/01/2022
02	Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, số 69/2020/QH14	13/11/2020	01/01/2022
03	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, số 67/2020/QH14	13/11/2020	01/01/2022
04	Luật Bảo vệ môi trường, số 72/2020/QH14	17/11/2020	01/01/2022
Nghị định			
01	Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công	11/11/2021	01/01/2022
02	Nghị định số 100/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	15/11/2021	01/01/2022

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Hiệu lực văn bản
03	Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc Nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập	16/11/2021	01/01/2022
04	Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ về việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng	07/12/2021	20/01/2022
Thông tư			
01	Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế	29/9/2021	01/01/2022
02	Thông tư số 85/2021/TT-BTC ngày 05/10/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về thu, nộp khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp	05/10/2021	01/01/2022
03	Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán	11/11/2021	01/01/2022
04	Thông tư số 100/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	15/11/2021	01/01/2022
05	Thông tư số 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng	16/11/2021	01/01/2022
06	Thông tư số 18/2021/TT-BCT ngày 19/11/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BCT ngày 10/10/2019 của Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương	19/11/2021	19/01/2022

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Hiệu lực văn bản
Nghị quyết, quyết định, văn bản pháp luật khác			
01	Quyết định số 3226/QĐ-TLĐ ngày 20/9/2021 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành Quy định chế độ phụ cấp cán bộ công đoàn	20/9/2021	01/01/2022
02	Quyết định số 3308/QĐ-TLĐ ngày 01/10/2021 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành Quy định về nguyên tắc xây dựng và giao dự toán tài chính công đoàn năm 2022	01/10/2021	01/01/2022

Tóm tắt và trích dẫn

I. Luật

1. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê, số 01/2021/QH15.

Ngày 12/11/2021, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê, số 01/2021/QH15.

Theo đó, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với bộ, ngành và địa phương thực hiện các nhiệm vụ sau: xây dựng, trình Chính phủ ban hành nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; định kỳ 05 năm, rà soát quy mô tổng sản phẩm trong nước báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội xem xét, quyết định về việc đánh giá lại quy mô tổng sản phẩm trong nước; hướng dẫn, kiểm tra tình hình và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Ngoài ra, tách nhóm chỉ tiêu trật tự, an toàn xã hội và tư pháp thành nhóm chỉ tiêu trật tự, an toàn xã hội và nhóm chỉ tiêu tư pháp. Tổng số nhóm chỉ tiêu của Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia là 21 nhóm (thay vì 20 nhóm như quy định cũ). Đồng thời, tổng số chỉ tiêu là từ 230 chỉ tiêu (quy định cũ 222 chỉ tiêu) trong đó, bổ sung 10 chỉ tiêu; bỏ 4 chỉ tiêu và tách 2 chỉ tiêu thành các chỉ tiêu độc lập.

2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính của Quốc hội, số 67/2020/QH14.

Ngày 13/11/2020, Quốc hội đã ban hành Luật số 67/2020/QH14 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Cụ thể, so với Luật Xử lý vi phạm hành chính hiện hành, mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

Xử lý vi phạm hành chính được thay đổi theo hướng: tăng mức phạt tiền tối đa của 10 lĩnh vực bao gồm Giao thông đường bộ; Phòng, chống tệ nạn xã hội; Cơ yếu; Quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia; Giáo dục; Điện lực; Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Thủy lợi; Báo chí; Kinh doanh bất động sản.

Bên cạnh đó, Luật này cũng bổ sung quy định mức phạt tiền tối đa của một số lĩnh vực như: Tín ngưỡng; Đối ngoại; Cứu nạn; Cứu hộ; In; An ninh mạng; An toàn thông tin mạng; Kiểm toán Nhà nước; Cản trở hoạt động tổ tụng.

Đồng thời, Luật đã sửa đổi, bổ sung quy định về hoãn, giảm, miễn tiền phạt tại Điều 76 và Điều 77 Luật Xử lý vi phạm hành chính theo hướng bổ sung quy định tổ chức cũng được hoãn, giảm miễn tiền phạt để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho tổ chức/doanh nghiệp khi gặp khó khăn về tài chính do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ (khoản 37, 38 Điều 1 Luật 67/2020/QH14).

Ngoài ra, Luật bổ sung một số chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc các lực lượng (Cơ quan) như: Kiểm ngư (Điều 43a); Ủy ban Cảnh tranh quốc gia (Điều 45a); Kiểm toán Nhà nước (Điều 48a)...

Luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020:

- Sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2008, Luật Hải quan năm 2014 và Luật Thủy sản năm 2017;
- Làm hết hiệu lực một phần Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

3. Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, số 69/2020/QH14.

Ngày 13/11/2020, Quốc hội đã thông qua Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, số 69/2020/QH14.

Đáng chú ý, lần đầu tiên Quốc hội quy định các quyền của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trong đó người lao động được đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bị người sử dụng lao động ngược đãi, cưỡng bức lao động hoặc có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe hoặc bị quấy rối tình dục trong thời gian làm việc ở nước ngoài.

Bên cạnh đó, người lao động không phải đóng bảo hiểm xã hội hoặc thuế thu nhập cá nhân hai lần ở Việt Nam và ở nước tiếp nhận lao động nếu Việt Nam và nước đó đã ký hiệp định về bảo hiểm xã hội hoặc hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

Quốc hội cũng nghiêm cấm người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đối với các công việc: mát xa tại nhà hàng, khách sạn hoặc trung tâm giải trí; công việc tiếp xúc thường xuyên với

chất nổ, chất độc hại trong luyện quặng kim loại màu (đồng, chì, thủy ngân, bạc, kẽm), tiếp xúc thường xuyên với măng gan, đi ô xít thủy ngân; công việc săn bắt thú dữ, cá sấu, cá mập;...

Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

Luật này làm hết hiệu lực Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006.

4. Luật Bảo vệ môi trường, số 72/2020/QH14.

Theo đó, Luật bổ sung cộng đồng dân cư vào phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng nhằm khẳng định vị trí, vai trò của nhóm đối tượng quan trọng này trong công tác bảo vệ môi trường. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường bao gồm: vận chuyển, chôn lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường;...

Bên cạnh đó, thời hạn cấp giấy phép môi trường được tính từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ và được quy định như sau: không quá 45 ngày đối với giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường; không quá 30 ngày đối với giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện;...

Ngoài ra, tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư bao gồm: quy mô, công suất, loại hình sản xuất; diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển, quy mô khai thác tài nguyên thiên nhiên; yếu tố nhạy cảm về môi trường gồm khu dân cư tập trung, nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa thiên nhiên khác, đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên;...

Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.

Luật này:

- Sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư công năm 2019;
- Làm hết hiệu lực Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;
- Làm hết hiệu lực một phần Luật Tài nguyên nước năm 2012, Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Luật Thủy lợi năm 2017, Luật sửa đổi 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018, Luật Đầu tư công năm 2019 và Luật Đầu tư năm 2020.

II. Nghị định

1. Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Theo đó, đối với các hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng lớn hơn 01 tỷ đồng yêu cầu phải có bảo lãnh tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm trừ tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa bên giao thầu và bên nhận thầu. Đáng chú ý, có 05 trường hợp không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng bao gồm:

Thứ nhất, hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 01 tỷ đồng, hợp đồng đơn giản, quy mô nhỏ thì thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và xây dựng.

Thứ hai, các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng và công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (trừ trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải xây dựng các công trình)...

Ngoài ra, Chính phủ cũng quy định, đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng (bao gồm hợp đồng xây dựng và hợp đồng của dự án không có cấu phần xây dựng) thì tổng mức vốn tạm ứng trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư đảm bảo không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng (Bao gồm cả dự phòng nếu có).

2. Nghị định số 100/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

Cụ thể, phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi trích dẫn không đúng nguồn thông tin thống kê khi phổ biến, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các ấn phẩm. Đối với hành vi để hư hỏng từ 50% số lượng chỉ tiêu thông tin thống kê trở lên trong phiếu, biểu điều tra, báo cáo thống kê trong thời hạn lưu trữ theo quy định, nhưng còn khả năng khôi phục phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Bên cạnh đó, đối với các biện pháp khắc phục hậu quả buộc hủy bỏ báo cáo thống kê; buộc cải chính nguồn thông tin thống kê đã trích dẫn, phổ biến, đăng tải; buộc cải chính thông tin thống kê sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đã phổ biến; buộc đính chính những thông tin thống kê đã phổ biến, đăng tải, ghi trên các ấn phẩm sai sự thật, thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả là 10 ngày làm việc, kể từ ngày cá nhân, tổ chức nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Ngoài ra, đối với biện pháp khắc phục hậu quả buộc hủy bỏ phiếu, biểu điều tra thống kê và buộc hủy kết quả điều tra thống kê; buộc khôi phục lại phiếu, biểu điều tra, báo cáo thống kê còn khả năng khôi phục, thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả là 30 ngày làm việc, kể từ ngày cá nhân, tổ chức nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc Nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập

Theo đó, bổ sung hành vi lập hóa đơn không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc trên hóa đơn theo quy định vào nhóm các hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ bị phạt tiền từ 04 - 08 triệu đồng. Đồng thời, bổ sung thêm trường hợp làm mất, cháy, hỏng hóa đơn bị xử phạt 04 - 08 triệu đồng: hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập nhưng chưa khai thuế.

Bên cạnh đó, mức miễn, giảm tiền phạt tối đa bằng số tiền phạt trong quyết định xử phạt và không quá giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại, sau khi trừ đi giá trị được bảo hiểm, bồi thường (nếu có). Theo quy định hiện hành, mức miễn tiền phạt tối đa bằng số tiền phạt còn lại trong quyết định xử phạt và không quá giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại, sau khi trừ đi giá trị được bảo hiểm, bồi thường (nếu có).

Ngoài ra, Nghị định cũng sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; kế toán, kiểm toán độc lập; dự trữ quốc gia; kho bạc Nhà nước...

4. Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ về việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

Cụ thể, từ ngày 01/01/2022, điều chỉnh tăng thêm 7,4% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội (BHXH) và trợ cấp hằng tháng của tháng 12/2021 đối với các đối tượng sau: cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động; quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hằng tháng; cán bộ xã, phường, thị trấn; người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng;...

Bên cạnh đó, đối với các đối tượng nghỉ hưu trước ngày 01/01/1995, sau khi đã thực hiện điều chỉnh lương hưu như trên mà có mức lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hằng tháng dưới 2,5 triệu đồng/tháng thì điều chỉnh tăng thêm từ ngày 01/01/2022 như sau: tăng thêm 200.000 đồng/người/tháng với người mức lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hằng tháng từ 2,3 triệu đồng trở xuống; tăng lên bằng 2,5 triệu đồng/người/tháng với người mức lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hằng tháng từ 2,3 triệu đồng đến dưới 2,5 triệu đồng.

Ngoài ra, mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng sau khi điều chỉnh là căn cứ để tính điều chỉnh lương hưu, trợ cấp ở những lần điều chỉnh tiếp theo.

III. Thông tư

1. Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Theo đó, hồ sơ đề nghị miễn tiền chậm nộp do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ (sự việc) gồm: văn bản đề nghị theo mẫu; tài liệu xác nhận thời gian, địa điểm xảy ra sự việc của cơ quan có thẩm quyền; văn bản xác định thiệt hại vật chất của cơ quan tài chính/cơ quan giám định độc lập; văn bản về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường thiệt hại (nếu có); các chứng từ liên quan đến bồi thường thiệt hại (nếu có).

Hồ sơ đề nghị miễn tiền chậm nộp do các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định như sau: văn bản đề nghị theo mẫu; văn bản xác định giá trị thiệt hại vật chất của cơ quan tài chính/cơ quan giám định độc lập; tài liệu chứng minh rủi ro không thuộc nguyên nhân, trách nhiệm chủ quan của người nộp thuế mà người đó không có khả năng nguồn tài chính nộp ngân sách nhà nước; chứng từ liên quan đến bồi thường thiệt hại (nếu có).

Số tiền chậm nộp được miễn trong các trường hợp trên là số tiền chậm nộp còn nợ tại thời điểm xảy ra sự việc hoặc tình trạng bất khả kháng khác và không vượt quá giá trị vật chất bị thiệt hại sau khi trừ các khoản được bồi thường, bảo hiểm theo quy định (nếu có).

2. Thông tư số 85/2021/TT-BTC ngày 05/10/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về thu, nộp khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Theo đó, lợi nhuận còn lại phải nộp ngân sách Nhà nước của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là lợi nhuận được xác định theo quy định pháp luật về kế toán sau khi trừ các khoản: bù đắp lỗ năm trước; trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp; các khoản phân phối, trích lập quỹ theo quy định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được xác định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính và quyết định chia cổ tức, lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ làm đại diện chủ sở

hữu nộp 100% vào ngân sách Trung ương đối với khoản lợi nhuận còn lại và cổ tức, lợi nhuận được chia phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

Theo đó, Thông tư ban hành các mẫu biểu và quy định việc sử dụng mẫu biểu trong công tác quyết toán, gồm 9 mẫu biểu thuộc Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ); và 15 mẫu biểu thuộc Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành (không gồm các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư).

Đối với quyết toán theo niên độ, chủ đầu tư đối chiếu, xác nhận số liệu quyết toán theo niên độ với cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch theo quy định, báo cáo theo mẫu gửi bộ, cơ quan trung ương, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý), sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý.

Các bộ, cơ quan trung ương đối chiếu, xác nhận số liệu quyết toán theo niên độ với cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương theo quy định, báo cáo theo mẫu gửi Bộ Tài chính. Sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý đối chiếu, xác nhận số liệu quyết toán theo niên độ với cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp, báo cáo theo mẫu gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

4. Thông tư số 100/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Theo quy định mới, hộ khoán đã được cơ quan thuế thông báo số thuế khoán phải nộp từ đầu năm thì hộ khoán thực hiện nộp thuế theo thông báo. Trường hợp hộ khoán mới ra kinh doanh trong năm (kinh doanh không đủ 12 tháng trong năm dương lịch) thì hộ khoán thuộc diện phải nộp thuế GTGT, phải nộp thuế TNCN nếu có doanh thu kinh doanh trong năm trên 100 triệu đồng; hoặc thuộc diện không phải nộp thuế GTGT, không phải nộp thuế TNCN nếu có doanh thu kinh doanh trong năm từ 100 triệu đồng trở xuống.

Đáng chú ý, cá nhân chỉ có hoạt động cho thuê tài sản và thời gian cho thuê không trọn năm, nếu phát sinh doanh thu cho thuê từ 100 triệu đồng/năm trở xuống thì thuộc diện không phải nộp thuế GTGT, không phải nộp thuế TNCN.

Ngoài ra, trong trường hợp tổ chức là chủ sở hữu Sàn giao dịch thương mại điện tử không thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân kinh doanh thông

qua Sàn trên cơ sở ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự thì Cục Thuế phối hợp với Sàn giao dịch thương mại điện tử trong việc chia sẻ và cung cấp thông tin của cá nhân kinh doanh thông qua Sàn theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế để quản lý thuế theo quy định.

5. Thông tư số 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.

Theo đó, Thông tư đã bổ sung quy định cho phép phát hành thẻ bằng phương thức điện tử, theo đó, tổ chức phát hành thẻ (TCPHT) phải xây dựng, ban hành, công khai quy trình, thủ tục phát hành thẻ của cá nhân bằng phương thức điện tử phù hợp với quy định, pháp luật về phòng, chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng và an toàn hoạt động của TCPHT.

Ngoài ra, TCPHT được quyết định biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết và xác minh khách hàng phục vụ việc phát hành thẻ bằng phương thức điện tử; chịu trách nhiệm rủi ro phát sinh (nếu có).

Bên cạnh đó, TCPHT căn cứ điều kiện công nghệ áp dụng khi nhận biết và xác minh khách hàng để đánh giá rủi ro, quyết định áp dụng hạn mức giao dịch của khách hàng mở bằng phương thức điện tử nhưng phải đảm bảo tổng hạn mức giao dịch (bao gồm rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán) của thẻ ghi nợ hoặc thẻ trả trước định danh hoặc thẻ tín dụng của một khách hàng không vượt quá 100 triệu đồng trong một tháng và không thực hiện rút ngoại tệ tiền mặt tại nước ngoài, thanh toán quốc tế.

6. Thông tư số 18/2021/TT-BCT ngày 19/11/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BCT ngày 10/10/2019 của Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương.

Theo đó, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) không được xét tặng danh hiệu thi đua (trong năm đề nghị) khi để xảy ra một trong hai trường hợp sau: có từ 50% trở lên số văn bản trong Chương trình xây dựng văn bản QPPL của năm đó trình cấp có thẩm quyền ban hành bị chậm tiến độ theo kế hoạch từ 02 tháng trở lên mà không có lý do chính đáng; văn bản QPPL bị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và xử lý do có nội dung không phù hợp với quy định pháp luật.

Bên cạnh đó, Bộ cũng thay đổi thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương. Theo quy định mới, Phó Chủ tịch Hội đồng là các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công Thương và Chủ tịch Công đoàn Công Thương Việt Nam, Ủy viên Thường trực là lãnh đạo đơn vị thuộc Bộ làm đầu mối về công tác thi đua, khen thưởng.

Ngoài ra, Bộ không yêu cầu tổ chức Đảng, đoàn thể phải được đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” khi xét khen thưởng đối với tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể.

IV. Nghị quyết, quyết định, văn bản pháp luật khác

1. Quyết định số 3226/QĐ-TLĐ ngày 20/9/2021 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành Quy định chế độ phụ cấp cán bộ công đoàn.

Theo đó, hệ số phụ cấp trách nhiệm cán bộ công đoàn cơ sở được xác định theo số lượng đoàn viên công đoàn nộp đoàn phí công đoàn của năm trước liền kề. Hệ số phụ cấp trên với chủ tịch công đoàn cơ sở dao động từ 0,15-1,00; với tổ phó tổ công đoàn, thành viên ban nữ công quần chúng, ủy viên ban chấp hành công đoàn bộ phận (nếu có) là từ 0,05-0,15.

Bên cạnh đó, mức chi phụ cấp kiêm nhiệm đối với chủ tịch công đoàn cơ sở kiêm nhiệm là 10% mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội theo quy định; với phó chủ tịch công đoàn cơ sở kiêm nhiệm là 7% mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội theo quy định.

Nếu khuyết một cán bộ chuyên trách thì chủ tịch hoặc phó chủ tịch công đoàn cơ sở được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm. Nếu khuyết nhiều hơn 01 cán bộ công đoàn chuyên trách thì cứ mỗi trường hợp còn khuyết tương ứng với 01 người được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm, nhưng tối đa không quá 03 người hưởng trong một công đoàn cơ sở.

2. Quyết định số 3308/QĐ-TLĐ ngày 01/10/2021 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành Quy định về nguyên tắc xây dựng và giao dự toán tài chính công đoàn năm 2022.

Theo đó, trong năm 2022 công đoàn cơ sở được sử dụng 60% tổng số thu đoàn phí và 75% tổng số thu kinh phí công đoàn. Phần đoàn phí công đoàn thu tăng thêm so với quy định và nguồn thu khác được để lại 100% cho công đoàn cơ sở sử dụng.

Bên cạnh đó, đối với công đoàn cấp trên cơ sở thì nguồn thu đoàn phí công đoàn và kinh phí công đoàn được sử dụng sau khi phân phối cho công đoàn cơ sở còn lại là 40% tổng số thu đoàn phí; và 25% tổng số thu kinh phí công đoàn sẽ thực hiện phân phối theo Quyết định 1908/QĐ-TLĐ.

Ngoài ra, nguồn thu khác phát sinh ở cấp nào, cấp đó được sử dụng. Tổng Liên đoàn có trách nhiệm giao số phải nộp về Tổng Liên đoàn, số cấp hỗ trợ hoặc giao tự cân đối tại Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành TW và tương đương, công đoàn Tổng Công ty trực thuộc trong dự toán 2022.

Quyết định này có hiệu lực thực hiện trong năm tài chính 2022.

Biên tập viên
(Đã ký)

Bộ phận Thanh tra - Pháp Chế
(Đã ký)

Lê Gia Lộc Sơn

Dương Công Hoan

BM03-01-01

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐT VÀ PT ĐIỆN SÊ SAN 3A
BAN BIÊN TẬP WEBSITE**

PHIẾU BIÊN TẬP TIN BÀI

1. Biên tập viên: Lê Gia Lộc Sơn
2. Ngày biên tập: ngày 30/12/2021.
3. Nội dung đăng tin: Văn bản pháp luật có hiệu lực từ tháng 01 năm 2022.

Kiểm duyệt thông tin

Thường trực BBT
(Đã ký)

Duyệt đăng tin
(Đã ký)